

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10/7/2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Tùng.

2. Bà Trần Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1982.

Nơi thường trú: Thôn YB, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Bàn Văn Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn YB, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Chu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn Th đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại Thôn YB, xã

PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th không biết yêu Th vợ con, anh Th thường xuyên uống rượu rồi gây sự đánh, chửi chửi, vì Th các con còn nhỏ chị đã chịu đựng đến nay, chị và anh Th sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Chị xác định T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn Th.

Về con chung: Có 02 con là cháu Bàn Văn T, sinh ngày 11/10/2003 và cháu Bàn Thị Hoài Th, sinh ngày 06/5/2004. Hiện nay hai con đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Bàn Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào năm 2001 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng nhau tại Thôn YB, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, con cái. Anh đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Anh đã nhờ hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được, đến đầu năm 2023 mâu thuẫn trầm trọng chị T bỏ nhà đi và vợ chồng anh sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Anh xác định T cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 02 con là cháu Bàn Văn T, sinh ngày 11/10/2003 và cháu Bàn Thị Hoài Th, sinh ngày 06/5/2004. Hiện nay hai con đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bàn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt có quan điểm trình bày về quan hệ hôn nhân: Anh xác định T cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị Chu Thị T; về con chung: Có 02 con là cháu Bàn Văn T, sinh ngày 11/10/2003 và cháu Bàn Thị Hoài Th, sinh ngày 06/5/2004. Hiện nay hai con đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị T, cho chị Chu Thị T được ly hôn với anh Bàn Văn Th.

- Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là cháu Bàn Văn T, sinh ngày 11/10/2003 và cháu Bàn Thị Hoài Th, sinh ngày 06/5/2004. Hiện nay cháu T và cháu Th đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chu Thị T và anh Bàn Văn Th xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Chu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Bàn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Chu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Bàn Văn Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn YB, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Chu Thị T và anh Bàn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T và anh Bàn Văn Th có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại Thôn YB, xã PB, huyện Chiêm Hóa cho thấy: Chị T và anh Th kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính T không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn từ đó thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, chị T và anh Th sống ly thân từ đầu năm 2023. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T và anh Th đều xác định T cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh Th thực tế không tồn tại từ đầu năm 2023; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị T, xử cho chị Chu Thị T được ly hôn với anh Bàn Văn Th.

[2.2] Về con chung: Chị Chu Thị T và anh Bàn Văn Th có 02 con chung là cháu Bàn Văn T, sinh ngày 11/10/2003 và cháu Bàn Thị Hoài Th, sinh ngày 06/5/2004. Hiện nay cháu T và cháu Th đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường chị T, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chu Thị T và anh Bàn Văn Th đều xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Chu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Bàn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn*” của chị Chu Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị T được ly hôn với anh Bàn Văn Th.

- Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0005557 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được chuyển thành tiền án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Bàn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã PB;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Huệ